

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CẨM MỸ  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 11-02-2022  
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ, TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mai Trung

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Văn Thành

Bà Nguyễn Thị Thùy Linh

**- Thư ký phiên tòa:** ông Nguyễn Công Nam – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đ.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** ông Trần Văn Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 152/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/12/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2022/QĐST-HNGĐ ngày 14/01/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Hoàng Tuyết N – sinh năm: 1995

HKTT: 59/3/1 đường số 8, phường Trường T, Quận T, TP. Hồ Chí Minh.

Chỗ ở hiện nay: ấp 57, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: anh Nguyễn Tấn L – sinh năm: 1992

Địa chỉ: ấp 57, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

(các đương sự vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai nguyên đơn là chị Hoàng Tuyết N trình bày: trên cơ sở tự nguyện, chị N và anh L tự nguyện tiến tới hôn nhân, đăng ký kết hôn tại UBND xã X vào năm 2015. Đây là hôn nhân lần thứ nhất của anh chị. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không hạnh phúc, nguyên nhân mâu thuẫn do cả hai bên thường xảy ra xung đột dẫn đến cãi nhau có khi còn đánh nhau. Tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không còn chung sống với nhau nên chị N yêu cầu ly hôn anh L.

Về con chung, cấp dưỡng: vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Xuân N1, sinh ngày: 06/9/2016. Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

\* Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thu thập được ý kiến của anh L đối với yêu cầu khởi kiện của chị N.

\* Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ phát biểu ý kiến:

+ Việc tuân theo pháp luật thủ tục tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

+ Về nội dung vụ án: cho chị N ly hôn anh L; về con chung: giao cháu Nguyễn Xuân N1 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng và tạm thời anh L không cấp dưỡng nuôi con chung; tài sản chung, nợ chung: không xem xét, giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: chị Hoàng Tuyết N có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn và giải quyết vấn đề nuôi con nên xác định đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS), trong đó xác định chị N là nguyên đơn, anh L là bị đơn.

- Thủ tục tố tụng: chị Hoàng Tuyết N có đơn xin xét xử vắng mặt; anh L được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ Điều 227, 228 BLTTDS, HĐXX xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp.

[2] Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân: chị Hoàng Tuyết N và anh Nguyễn Tấn L đã đăng ký kết hôn và được UBND xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 71 ngày 01/12/2015 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Theo chị N thì mâu thuẫn là do anh L bài bạc, vợ chồng thường xảy ra xung đột dẫn đến cãi nhau có khi còn đánh nhau; vợ chồng đã ly thân.

Theo biên bản xác minh tại địa phương xã X thì cũng xác định anh L và chị N có nhiều mâu thuẫn cãi nhau là do anh L thường xuyên cờ bạc, có khi đánh nhau và hiện anh L, chị N không còn chung sống với nhau, cả hai vợ chồng có 01 con chung. Về tài sản chung, nợ chung thì địa phương không nắm được.

Với những chứng cứ thu thập như trên thể hiện, chị N và anh L mâu thuẫn là có thật, vợ chồng thường xuyên cãi nhau và hiện đã sống ly thân. Với những chứng cứ đó cho thấy quan hệ hôn nhân của hai người đã thực sự mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cho chị N ly hôn với anh L.

[3] Về con chung và cấp dưỡng cho con: chị N yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu Xuân N1 và anh L vắng mặt nên không có lời khai về việc nuôi con chung nên giao cháu Xuân N1 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung và anh L không có lời khai về cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm thời anh L không cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung: chị N khai không có và anh L không có lời khai về tài sản chung nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: chị N khai không có và cũng không ai yêu cầu nên không xem xét.

[5] Về án phí: chị Hoàng Tuyết N phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227 và 228 của BLTTDS; các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: cho chị Hoàng Tuyết N ly hôn anh Nguyễn Tấn L.

2. Về con chung, cấp dưỡng: giao cháu Nguyễn Xuân N1, sinh ngày: 06/9/2016 cho chị Hoàng Tuyết N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành.

Tạm thời anh Nguyễn Tấn L không cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, anh L được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Khi cần thiết anh L, chị N được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: chị N khai không có và cũng không ai yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: chị Hoàng Tuyết N phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí mà chị N đã nộp tại biên lai thu tiền số 0009302 ngày 12/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C; chị N đã nộp đủ án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát H. Cẩm Mỹ;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã X;
- Dương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Mai Trung**